

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 3 – Đợt 2

- Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
- Ngày quan trắc:** 24 – 25/3/2025 **Ngày cung cấp TT:** 26/3/2025
- Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 và 2 mở thông.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé 2 cửa.
5	9	Cống Lương Cô	Cống mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Cần cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Lương Cỏ, Phù Lý – cầu Phù Vân, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đập Nhật Tựu, Sông Đăm, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Hòa Bình.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Liên Mạc.

Không đạt mức D: Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thân, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 90%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy chậm ngược ra sông Hồng. Cổng Liên Mạc 1 và 2 mở thông. Nước màu xanh đen, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.47	37	2.91	0.5	8.236	4.410	632	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 95%, gió NĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đen.	7.41	32.9	1.06	0.6	14.530	3.308	716	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đầm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.36	28.7	0.31	0.6	29.992	1.328	852	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.29	25.9	0.47	0.6	33.178	2.318	876	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.2	23.7	0.71	0.6	24.476	2.903	802	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch	Trời nắng nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 5%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.15	20.7	0.69	0.6	27.894	3.533	816	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 5%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.32	25.1	1.78	0.6	13.364	4.073	651	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 38%, mật độ mây 0%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy chậm về	7.51	20.5	4.56	0.3	0.847	2.408	390	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đập.	hạ lưu, đập mở hé 2 cửa. Thượng lưu đập dồn ú nhiều bèo. Nước màu xanh.								đạt mức B
9	Cống Lương Cồ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 35%, mật độ mây 0%, gió ĐB 10 km/h. Cống mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.47	18.2	5.26	0.3	0.707	1.913	358	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu Phủ Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 35%, mật độ mây 0%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Khu vực lấy mẫu	7.38	17.9	5.56	0.2	0.591	2.408	341	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			đang sửa chữa cầu. Nước màu xanh lục.								
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 92%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.1	21	4.1	0.3	3.699	2.858	350	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 7 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.26	27.1	0.76	0.6	23.932	3.488	716	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh	Đánh giá chất lượng nước	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 75%,	7.07	21.3	0.41	0.6	29.215	2.588	806	Chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6						
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5						
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4						
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Liệt	sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.									quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 92%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước trung bình. Nước màu vàng xanh.	7.31	40.2	0.91	0.6	16.861	3.533	726		Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 100%, gió Bắc 7 km/h.	7.29	31.7	0.56	0.6	27.739	2.295	801		Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở. Trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình. Nước màu đen.								đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 100%, gió Bắc 7 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cổng mở hé. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.31	27.2	0.79	0.6	23.465	2.813	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.16	22.6	0.51	0.6	20.124	3.083	791	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.								đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.06	20.7	0.47	0.6	29.138	2.385	806	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 5%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước trung bình.	7.59	18.2	4.9	0.3	2.409	3.398	371	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 5%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.46	17.9	5.51	0.2	0.707	1.688	365	Chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở, mực nước thấp. Nước	7.47	41.6	0.86	0.6	21.601	4.545	891	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nhuệ.	màu xám đen.								
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục. Trên sông có nhiều rác.	7.36	26.5	5.01	0.3	2.409	3.488	359	Chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh, có hiện tượng bị tù đọng, phú dưỡng.	7.31	20.3	4.96	0.2	0.824	2.633	386	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn